

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2020/HNGĐ-ST**

Ngày : 24/8/2020

V/v “*Tranh chấp Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cử và ông Hoàng Trọng Tỳ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Tân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1996. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn H, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (*Lê Thị L*) và anh Nguyễn Hữu D tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2018, anh D hay chơi cờ bạc, tính tình không hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D thường xuyên chì chiết, chửi mắng, đánh đập tôi làm tinh thần tôi suy sụp. Hiện tại tôi và anh D không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2020, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 25/3/2014. Nguyên vọng khi ly hôn là được trực tiếp nhận nuôi 01 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Hữu D trình bày tại hồ sơ:

Về hôn nhân: Tôi ( Nguyễn Hữu D) thống nhất thuận tình ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Có 01 con chung như trình bày của chị L. Khi ly hôn, tôi (D) đồng ý giao 01 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tôi không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện làm ăn ở xa nên anh D xin xét xử vắng mặt.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu D, khi ly hôn mong muốn được nhận nuôi cháu L và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2020, nguyên đơn Lê Thị L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Nguyễn Hữu D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 04/10/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn Lê Thị L và bị đơn Nguyễn Hữu D không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ly hôn với nhau. Căn cứ các Điều 51, 53, 55 Luật HN&GD, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn.

[3] Xét về con chung có cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 25/3/2014 hiện tại cháu L đang ở với mẹ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 58, 81, 83 Luật Hôn nhân &

gia đình. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở. HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, giao cháu L cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 58, 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị L với bị đơn anh Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Duy L, sinh ngày 25/3/2014 cho nguyên đơn chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Hữu D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh D có quyền chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Li tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006119 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện Sơn Hòa (02);
- CC THADS huyện Sơn Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã S1 (01);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nam Trung**

